

Bản án số: 70/2026/DS-PT
Ngày 28 - 4 - 2026
“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Trung

Bà Đoàn Thị Kiều Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10; ngày 23 và ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 89/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực B2 – Nghệ An) bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1975 (số CCCD 040075001585). Địa chỉ: K, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Ông Ma Quang S – Luật sư thuộc Công ty L - Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Tầng E, số A, đường H, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt, vắng mặt khi tuyên án.

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1955 (số CCCD 040055000718). Địa chỉ: khối E, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1978 (số CCCD 040178023425) (vợ của ông D); địa chỉ: khối E, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Ma Quang S, Luật sư thuộc Công ty L - Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: tầng E, số A, đường H, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt, vắng mặt khi tuyên án.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1962 (số CCCD 040162022678); địa chỉ: xóm P, xã H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có mặt

3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1969 (số CCCD 040169004210); địa chỉ: K, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1971 (số CCCD 040071001348); địa chỉ: K, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Lê Vĩnh C1, sinh năm 1959. Địa chỉ: K, xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt ngày 10/4/2026;

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lê Văn C.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn ông Lê Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, bà T thống nhất trình bày: Bố mẹ ông D là bà Nguyễn Thị G (sinh năm 1930, chết ngày 05/4/2014) và ông Lê Sĩ H (sinh năm 1930, chết ngày 06/12/2021). Vợ chồng ông H, bà G sinh được 5 người con gồm, ông Lê Văn C, sinh năm 1955, bà Lê Thị M, sinh năm 1962; bà Lê Thị T1, sinh năm 1969; ông Lê Văn T2, sinh năm 1971 và ông Lê Văn D, sinh năm 1975.

Trước khi qua đời, cha mẹ ông D (ông H, bà G) tạo lập và quản lý thửa đất diện tích đất là 564m², trong đó 200m² đất ở và 364m² đất vườn (không có sổ thửa); nay là thửa đất số 8, tờ bản đồ 7, địa chỉ: K, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện H, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 062639; số vào sổ: 00752 ngày 10/4/1996 mang tên ông Lê Sĩ H.

Khi còn sống, vợ chồng bà G, ông H là người quản lý diện tích đất nêu trên và vợ chồng ông D, bà T ở cùng cha mẹ, trông nom chăm sóc cho cha mẹ. Khi đó, giữa ông H, bà G với ông Lê Văn C có xảy ra mâu thuẫn. Cụ thể là sau khi ông Lê Văn C ly hôn với vợ và đã được Tòa án chia tài sản chung nhưng ông C không làm nhà trên phần đất được tòa chia, mà trở về phần đất của cha mẹ để chiếm đoạt. Ông C đã tự ý tháo dỡ công trình chăn nuôi của vợ chồng ông D, bà T xây dựng để làm nhà ở mà chưa được sự đồng ý của ông H, bà G. Ông H (bố ông D) vì phản đối việc đó nên đã ngăn cản ông C chiếm đất làm nhà, gây ra mâu thuẫn, xô xát với ông Lê Văn C. Đỉnh điểm là ngày 11/8/2009, ông Lê Văn C đã có hành vi đánh đập, trói ông Lê Sĩ H (bố đẻ) vào cột điện để uy hiếp tinh thần và bạo hành. Sự việc đã được cán bộ Công an Khố 11 (cũ) lập biên bản ghi nhận.

Vì lý do đó, vào ngày 17/01/2011, cha mẹ ông D (ông H, bà G) có lập Bản di chúc để định đoạt toàn bộ thửa đất nói trên. Nội dung tóm tắt của di chúc là ông H, bà G đồng ý để lại toàn bộ thửa đất này cho Lê Văn D cùng vợ là Đặng Thị T được quản lý, sử dụng, định đoạt. Di chúc được ông H trực tiếp viết và ký, còn bà G thì trực tiếp điểm chỉ vào di chúc (do không biết chữ). Thời điểm xác lập di chúc, ông H, bà G hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo, không bị lừa dối, cưỡng ép, đe dọa. Hai cụ lập di chúc trước sự chứng kiến của đại diện UBND thị trấn H. Sau đó phó Chủ tịch UBND thị trấn H đã chứng thực về nội

dung của bản di chúc nêu trên là đúng sự thật. Hiện nay ông Lê Văn C đang chiếm hữu, quản lý trái pháp luật diện tích khoảng 300m² (ba trăm mét vuông), thuộc thửa đất được ông H, bà G định đoạt bằng di chúc như đã trình bày ở trên. Trên phần đất mà ông Lê Văn C chiếm giữ trái phép có một móng nhà đang làm dở và một căn nhà tạm cấp bốn, các công trình nêu trên đều do ông Lê Văn C tự ý và lén lút xây dựng, bản thân ông H, bà G cũng đã ngăn cản nhưng vì tuổi cao sức yếu nên không thể ngăn cản được. Hậu quả là gia đình ông D phải xây bờ rào ngăn cách để đảm bảo an toàn trong sinh hoạt, tránh va chạm trực tiếp với ông Lê Văn C. Nay ông Lê Văn D khởi kiện ông Lê Văn C, đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận hiệu lực Di chúc do bà Nguyễn Thị G và ông Lê Sĩ H lập ngày 17/01/2011 là Di chúc hợp pháp và chia thừa kế theo nội dung của di chúc.

- Buộc ông Lê Văn C phải trả lại diện tích khoảng 300m² đất trong tổng số khoảng 564m² đất ở và đất vườn (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 062639, số vào sổ: 00752, do UBND huyện H cấp ngày 10/4/1996 cho ông Lê Sĩ H1) mà ông C đang chiếm hữu trái pháp luật cho vợ chồng ông D, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn C trình bày: Ông Lê Văn C thống nhất xác định vợ chồng ông Lê Sĩ H1 và bà Nguyễn Thị G có 05 người con, họ tên ngày tháng năm sinh và thời gian bà G, ông H1 chết đúng như trình bày của ông Lê Văn D. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà G, ông H1 tạo lập được khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất tại thửa số 392, tờ bản đồ số 2, diện tích 564m² đã được UBND huyện H, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 mang tên ông Lê Sĩ H1 (nay là thửa số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 662m², theo hồ sơ kỹ thuật năm 2005). Năm 2001, ông C ly hôn với vợ, đầu năm 2002, ông C về sống tạm trên một gian nhà của ông H1, bà G, sử dụng được một thời gian, cũng trong năm đó ông D và ông H1, bà G đã thống nhất bằng miệng cho ông C một nửa thửa đất, còn lại thì của bố mẹ và ông D ở trên đấy. Sau khi thống nhất với nhau ông D làm nhà, cả gia đình ông D, ông H1, bà G và ông C sống trên ngôi nhà cũ của bố mẹ (ông H1, bà G) để ông D làm nhà mới. Sau khi làm nhà xong thì ông Danh lợi D1 lúc ông C đang đi xe ô tô để đập phá phần ngôi nhà cũ của bố mẹ mà ông C đang sử dụng để buộc ông C sang ở nửa đất ông C được chia. Sau khi bị phá nhà không còn chỗ ở nên ông C đã che bạt ở tạm trên đất được chia đồng thời ông C cũng xây nhà trên phần đất này và sử dụng cho đến nay.

Ngày 21/7/2004, ông H1, bà G đứng ra mời tất cả anh em trong gia đình cũng như nhờ chính quyền địa phương lập Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở. Nội dung đơn thể hiện rõ nội dung ông H1, bà G để lại một phần thửa đất nêu trên cho ông C theo hiện trạng (ranh giới tính từ móng nhà của ông D đến đất của ông C là 3,03m). Đơn có đầy đủ chữ ký của ông H1, bà G, ông D và xác nhận của cấp ủy, xác nhận của khối 11 và xác nhận của UBND thị trấn H.

Có thể thấy rõ ràng tài sản này bố mẹ ông C (ông H1, bà G) đã định đoạt cho ông C có đơn chuyển nhượng hợp pháp, ranh giới cụ thể và từ đó đến nay ông C đã xây nhà và sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì. Tuy nhiên, vì chưa có điều kiện tách bìa và nghĩ anh em với nhau, đồng thời bố mẹ đã chia

thừa đất rõ ràng, văn bản chuyển nhượng có đầy đủ chữ ký đóng dấu của chính quyền địa phương nên ông C yên tâm sinh sống trên đất.

Vì vậy, việc ông D khởi kiện yêu cầu công nhận hiệu lực Di chúc do bố mẹ (ông H1, bà G) lập ngày 17/01/2011 là di chúc hợp pháp và chia thừa kế theo nội dung di chúc và buộc ông C phải trả lại diện tích khoảng 300m² đang chiếm dụng quản lý trái pháp luật cho vợ chồng ông D theo nội dung di chúc, ông C không đồng ý.

Qua những trình bày như trên, ông Lê Văn C có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

- Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên buộc ông Lê Văn D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 392, tờ bản đồ số 2, diện tích 564m² (nay là thửa số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 662m²) cho ông C theo Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004;

- Công nhận Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004 đối với thửa đất nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày: Bà M là con gái của ông H1, bà G, bà M thừa nhận về họ tên cha mẹ và các anh chị em ruột như ông D, ông C đã trình bày. Khi chết bố mẹ bà M (bà G, ông H1) không để lại di chúc. Khi sống bố mẹ bà M ở với ông D và bà T, tài sản ông H1, bà G để lại là thửa đất tại khối E, thị trấn H. Vào khoảng năm 2002, ông H1 và bà G đã tách thửa cho ông Lê Văn C khoảng 300m², có tất cả các người con trong gia đình đều ký. Bà M không đồng ý bán di chúc do ông D xuất trình, vì di chúc đó ông D tự lập sau khi bà G (mẹ bà M) đã chết, dấu vân tay trong di chúc là do ông D giả mạo. Bà M đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của ông H1, bà G đã chia đất cho ông C, ông D khi còn sống theo Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ông Lê Văn T2: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông T2 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và từ chối khai báo. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, tại lời khai ngày 28 tháng 11 năm 2025 và tại phiên tòa phúc thẩm ông T2, xác định khi bố mẹ (ông H1, bà G) còn sống khỏe mạnh, mình vẫn đã lập Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004 cho ông Lê Văn C một phần diện tích đất để làm nhà ở, ông C đã sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước đến nay. Nay ông D tranh chấp với ông C, ông T2 đề nghị Tòa án tôn trọng ý kiến của bố mẹ (cụ G, cụ H1) ngày 21/7/2004, ông T2 không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày: Bà T1 là con gái của ông H1, bà G xác định về họ tên cha mẹ và các anh chị em ruột như ông D, ông C đã trình bày. Khi ông H1 và bà G chết có để lại di chúc, tuy nhiên bà T1 không quan tâm đến tài sản bố mẹ (ông H1, bà G) để lại nên không nắm rõ được nội dung di chúc. Tài sản của ông H1, bà G để lại là đất ở và đất nông nghiệp, bà T1 lấy chồng năm 1990 và ở tại khối B, thị trấn H từ đó cho đến nay. Bà T1 cho rằng, bố mẹ (bà G, ông H1) đã lập di chúc cho ông Lê Văn Danh S1 đất ở này nên bà T1 tôn trọng di nguyện của bố mẹ. Trong trường hợp nếu được nhận phần thừa kế của mình thì bà T1 cũng cho vợ chồng D, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng ông Lê Vĩnh C1 trình bày: Từ năm 2004 đến năm 2010 ông C1 làm Bí thư chi bộ, trưởng ban công tác mặt trận Khối. Ngày 21/7/2004, cụ H1 có nhờ ông C1 về nhà làm việc và có nhờ ông C1 viết hộ giấy chuyển nhượng đất cho con trai ông Lê Văn C và ông Lê Văn D. Khi đến nhà có mặt cụ H1, cụ G, ông C, ông D, ông T2, bà T1, bà M (các con cụ H1, cụ G), bà T (vợ anh D), ngoài ra có ông Lê Xuân B và ông Ngô Xuân B1. Khi viết xong thì đọc cho mọi người cùng nghe và ký vào đơn.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Nghệ An), đã quyết định: Căn cứ khoản 5, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 201, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 459 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 658, 667, 668 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 129 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn D. Công nhận hiệu lực Di chúc do cụ Nguyễn Thị G và cụ Lê Sĩ H lập ngày 17/01/2011 là Di chúc hợp pháp và chia thừa kế theo nội dung của di chúc. Anh Lê Văn D và chị Đặng Thị T được quyền sử dụng 564m² đất ở và đất vườn (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 062639, số vào sổ: 00752, do UBND huyện H cấp ngày 10/4/1996 cho ông Lê Sĩ H1).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C về việc công nhận nội dung Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004 và buộc anh Lê Văn D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 392, tờ bản đồ số 2, diện tích 564m² (nay là thửa số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 662m²) theo Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004.

3. Buộc ông Lê Văn C phải trả lại diện tích 300m² đất trong tổng số 564m² đất ở và đất vườn (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 062639, số vào sổ: 00752, do UBND huyện H cấp ngày 10/4/1996 cho ông Lê Sĩ H1).

4. Anh Lê Văn D và chị Đặng Thị T được sử dụng 07 cây Mưng (4 cây đường kính 20cm, 02 cây đường kính 30cm, 1 cây đường kính 15cm) ; 01 cây xoài đường kính 15cm; 01 cây ổi đường kính 15cm; 03 cây Ngũ gia bì; 03 cây si; 01 cây giới; 01 nhà tắm, nhà vệ sinh diện tích 10,88m²; 01 ngôi nhà tạm lợp tôn; 01 móng đá hộc.

5. Anh Lê Văn D và chị Đặng Thị T phải trả tiền tài sản trên đất cho ông Lê Văn C số tiền là 30.664.790 đồng (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025, bị đơn ông Lê Văn C kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa

án nhân dân Khu vực 2 – Nghệ An). Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc công nhận di chúc của bố mẹ ông C (ông H1, bà G) và chấp nhận yêu cầu của ông C công nhận phần diện tích đất khoảng 300m² mà bố mẹ ông C đã cho ông C sử dụng từ năm 2002 đến nay. Tại phiên tòa, ông Lê Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Nghệ An kháng nghị đối với bản án sơ thẩm với các nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, công nhận hiệu lực của Di chúc do cụ Nguyễn Thị G và cụ Lê Sỹ H1 lập ngày 17/01/2011 là di chúc hợp pháp và chia thừa kế theo nội dung của di chúc là không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C phải trả lại toàn bộ nhà, đất nhưng chưa xem xét quyền lưu cư cho ông C để có điều kiện tạo lập nơi ở mới.

- Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bên đương sự có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền nhưng không tuyên lãi suất chậm thi hành và hướng dẫn thi hành án dân sự,

- Bản án sơ thẩm tuyên về án phí và quyền và nghĩa vụ của các đương sự chưa đầy đủ.

Các vi phạm nêu trên có thể khắc phục được tại Tòa án cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An thay đổi, bổ sung một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Nghệ An theo hướng, công nhận Di chúc ngày 17/01/2011 của cụ G, cụ H1 để lại có hiệu lực toàn bộ và phát biểu quan điểm: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C và chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Nghệ An, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng; công nhận di chúc ngày 17/01/2011 của cụ G, cụ H1 có hiệu lực toàn bộ; trích công sức quản lý di sản là quyền sử dụng đất cho ông C và sửa án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Cụ Lê Sĩ H và cụ Nguyễn Thị G là vợ chồng. Cụ G, sinh năm 1930, chết ngày 05/4/2014; cụ H, sinh năm 1930, chết ngày 06/12/2021. Cụ G, cụ H có 05 người con gồm, ông Lê Văn C, sinh năm 1955, bà Lê Thị M, sinh năm 1962, bà Lê Thị T1, sinh năm 1969, ông Lê Văn T2, sinh năm 1971 và ông Lê Văn D, sinh năm 1975. Ngoài ra, cụ G, cụ H không có con riêng và không nhận con nuôi. Quá trình sinh sống, vợ chồng cụ H, cụ G tạo lập được thửa đất thổ cư diện tích 564m², đã được UBND huyện H, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 062639 ngày 10/4/1996, trong đó đất ở 200m², đất vườn 364m² mang tên ông Lê Sĩ H đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 769523 ngày 23/7/2012 thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 662m² đất ở đô thị (diện tích thực tế là 655,4m², giảm 6,6m²) tại khối E, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An mang tên ông Lê Sĩ H, bà Nguyễn Thị G; nguồn gốc thửa đất sử dụng trước ngày 18/12/1980, ngoài ra hai cụ không để lại tài sản nào khác.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Văn C; xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Nghệ An và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng:

[3.1] Vợ chồng ông Lê Văn D, bà Đặng Thị T cho rằng ngày 17/01/2011, cụ Lê Sĩ H1 và cụ Nguyễn Thị G đã lập Di chúc cho vợ chồng ông D, bà T toàn bộ thửa đất, yêu cầu công nhận hiệu lực Di chúc và chia thừa kế theo nội dung của di chúc. Buộc ông Lê Văn C phải trả lại diện tích khoảng 300m² đất trong tổng số khoảng 564m² đất ở và đất vườn ông C đang chiếm hữu trái pháp luật cho vợ chồng ông D, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn C có đơn phản tố yêu cầu, buộc vợ chồng ông Lê Văn D, bà Đặng Thị T phải thực hiện ý chí của vợ chồng cụ Nguyễn Thị G và cụ Lê Sĩ H1 công nhận theo Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004. Theo đó, ông C yêu cầu ông D, bà T phải tháo dỡ bờ tường bao giao lại cho ông C theo ranh giới từ mép gian nhà lồi và mép tam cấp nhà ông D có chiều dài là 3m03, diện tích đất khoảng 300m².

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm, vợ chồng ông Lê Văn D và bà Đặng Thị T xác định và thừa nhận, ông D kết hôn với bà T đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 7 năm 1997 về sống cùng vợ chồng cụ G, cụ H1 trên đất. Năm 2002, sau khi ly hôn vợ ông Lê Văn C về cùng sống với gia đình cụ G, cụ H1 (trong đó có cả vợ chồng ông D, bà T), năm 2003 ông C làm nhà trên một phần diện tích đất để ở. Quá trình sinh sống, do có sự mâu thuẫn nên vợ chồng ông D, bà T tiến hành xây tường bao ngăn cách giữa phần đất vợ chồng ông D, bà T và phần diện tích đất ông C đang ở, hiện 02 phần diện tích đất đã có khuôn viên ổn định từ trước đến nay.

[3.3] Xét Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị M1 và ông Lê Văn T2 là các con của cụ Nguyễn Thị G, cụ Lê Sĩ H đều xác định và thừa nhận, năm 2002, sau khi ly hôn vợ, ông C về cùng sống với gia đình cụ G, cụ H, năm 2003 cụ G, cụ H cho ông C làm nhà trên một phần diện tích đất để ở. Ngày 21 tháng 7 năm 2004, cụ H

nhờ ông Lê Vĩnh C1 bí thư chi bộ và là trưởng ban công tác mặt trận khối 11 (nay là khối E), thị trấn H viết Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở. Theo đó, cụ H, cụ G tặng cho ông C một phần diện tích thửa đất, trên đó có nhà ở của ông C đã tạo lập từ năm 2003 và có mặt tất cả 05 người con của cụ H đều ký. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Vĩnh C1 khẳng định Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở ngày 21/7/2004 là do cụ H, cụ G nhờ ông C1 viết và khi viết có tất cả 05 người con của cụ G, cụ H có mặt và ký vào Đơn. Tuy nhiên, vợ chồng ông D, bà T không thừa nhận có mặt tham gia và ký, còn bà Lê Thị T1 thì cho rằng không nhớ và không ký. Hơn nữa, sau khi được tặng cho một phần thửa đất ông C đã xây dựng nhà, các công trình ở ổn định từ năm 2003 (khi cụ G, cụ H còn sống khỏe mạnh và minh mẫn) đến nay không có ai có ý kiến, tranh chấp gì. Vợ chồng ông D, bà T cho rằng việc ông D, bà T xây bờ tường bao ngăn cách giữa 02 phần diện tích đất là do có sự tranh chấp đất giữa ông C và cụ H nhưng ông D, bà T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và ông C, bà M1, ông T2 xác định ông C ở trên đất ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp gì.

[3.4] Xét Di chúc ngày 17 tháng 01 năm 2011: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị M1 và ông Lê Văn T2 là các con của cụ Nguyễn Thị G, cụ Lê Sĩ H đều xác định không biết cụ G, cụ H để lại bản di chúc này và cho rằng Di chúc ngày 17/01/2011 do vợ chồng ông D, bà T giả tạo; bà Lê Thị T1 thì cho rằng, bà T1 cũng chỉ biết được bản di chúc sau khi cụ H chết thì ông D, bà T mới cho bà T1 biết nhưng cũng không nhớ thời gian cụ thể. Hơn nữa, ông D, bà T và các con của cụ H, cụ G đều xác định cụ G không biết chữ nhưng bản di chúc không có người làm chứng và tại Văn bản số 11/KTHS (DD3-ĐV) ngày 27/01/2026 của Phòng K, Công an tỉnh N xác định dấu vân tay (theo ông D cho rằng là vân tay của cụ G điếm chỉ tại di chúc ngày 17/01/2011) không thể hiện rõ được đặc điểm chung và đặc điểm riêng của đường vân nên không đủ điều kiện để tiến hành giám định truy nguyên đồng nhất.

Mặt khác, quá trình sử dụng thửa đất, năm 2007 cụ H, cụ G đã tiến hành các thủ tục kê khai, đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An quyết định cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 769523 ngày 23/7/2012, thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 7, diện tích 662m² đất ở đô thị, tại khối A, thị trấn H, tỉnh Nghệ An mang tên ông Lê Sĩ H1, bà Nguyễn Thị G.

Như vậy, căn cứ nội dung Di chúc ngày 17/01/2011, cụ H1, cụ G định đoạt cả phần diện tích đất và ngôi nhà, các công trình của ông Lê Văn C đã xây dựng và tạo lập sống ổn định từ năm 2003 mà không có ý kiến gì của ông Lê Văn C và năm 2007, cụ H1 cụ G kê khai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không được cụ G, cụ H1 đề cập tại bản Di chúc ngày 17/01/2011. Do đó, Di chúc ngày 17/01/2011 của cụ H1, cụ G về cả hình thức và nội dung không phù hợp thực tế.

[4] Từ các nội dung phân tích, nhận định, đánh giá tại các mục [3.1, [3.2], [3.3] và [3.4] có căn cứ xác định, diện tích 564m² đất thổ cư được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/1996 và đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An quyết định; cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BI 769523 ngày 23/7/2012, thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 7, diện tích 662m² đất ở đô thị, tại khối A, thị trấn H, tỉnh Nghệ An mang tên ông Lê Sỹ H1, bà Nguyễn Thị G thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Lê Sỹ H1 và cụ Nguyễn Thị G. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông D, bà T và ông C sống cùng vợ chồng cụ H1, cụ G trên thửa đất; năm 2002 cụ G, cụ H1 đã cho ông C (con trai trưởng) về xây dựng nhà, công trình ở trên đất từ đó đến nay đã có khuôn viên riêng ở ổn định không có ai có ý kiến, tranh chấp gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C xuất trình Đơn chuyển nhượng đất làm nhà ở đề ngày 21/7/2004 có nội dung, vợ chồng cụ H1, cụ G tặng cho ông C một phần diện tích đất để làm nhà ở được bà M1, ông T2 xác định và thừa nhận. Còn vợ chồng ông D, bà T thì xuất trình Di chúc ngày 17/01/2011 có nội dung vợ chồng cụ G, cụ H1 di chúc để lại toàn bộ thửa đất cho vợ chồng ông D, bà T toàn quyền được sử dụng nhưng không được ông C, bà M1, ông T2 là các đồng thừa kế của cụ G, cụ H1 thừa nhận. Hơn nữa, Di chúc ngày 17/01/2011, cụ H1, cụ G định đoạt cả phần diện tích đất và ngôi nhà, các công trình của ông Lê Văn C đã xây dựng và tạo lập sống ổn định trên thửa đất từ năm 2003. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà M1, bà T1 và ông T2 đều xác định khi còn sống khỏe mạnh, minh mẫn cụ H1, cụ G đã phân thửa đất cho vợ chồng ông D, bà T và ông C sử dụng một phần đã làm nhà ở ổn định từ trước (từ năm 2003 đã có khuôn viên riêng) đến nay. Hơn nữa, bà M1, ông T2 và bà T1 cũng thừa nhận việc cụ G, cụ H1 cho vợ chồng ông D, ông C đất, không yêu cầu phân chia di sản và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, tôn trọng ý kiến của bố mẹ (cụ G, cụ H1) khi còn sống.

Từ các nội dung đánh giá, nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lê Văn C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Nghệ An, sửa án án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của ông Lê Văn D và chấp nhận một phần nội dung yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C. Trích, chia di sản thừa kế của cụ Lê Sỹ H1 và cụ Nguyễn Thị G là quyền sử dụng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 7, diện tích 662m² đất ở đô thị (diện tích thực tế theo hiện trạng 655,4m²), tại khối A, thị trấn H (nay là khối E, xã H), tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An quyết định, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 769523 ngày 23/7/2012 mang tên ông Lê Sỹ H1, bà Nguyễn Thị G theo phần diện tích đất thực tế vợ chồng ông D, bà T và ông C đang quản lý, sử dụng. Do đó, cần trích, chia cho vợ chồng ông D, bà T và ông C theo thực tế mà các bên đã và đang sử dụng; theo đó ông D, bà T được quyền sử dụng 397,4m² đất ở, trị giá 9.935.000.000 đồng, ông C được sử dụng 258m² đất ở, trị giá 6.450.000.000 đồng. *Các phần diện tích đất có sơ đồ phác họa kèm theo.*

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về giá trị tài sản các đương sự được hưởng nên cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp. Ngoài ra, quá trình khởi

kiện, ông Lê Văn D đã nộp tạm ứng án phí 53.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khấu trừ là thiếu sót, Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Ông C yêu cầu giám định và thẩm định lại tài sản để phục vụ yêu cầu nội dung kháng cáo đã nộp tạm ứng và đã phi phí giám định hết 10.000.000 đồng, tại phiên tòa ông C đề nghị giải quyết theo quy định. Do đó, cần buộc ông C phải chịu toàn bộ (đã thực hiện xong).

[8] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn C; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Nghệ An. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Nghệ An).

Áp dụng các Điều 117, 163, 164, 166, 494, 495, 496, 497, 498, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D và chấp nhận một phần nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn C. Trích, chia di sản thừa kế của cụ Lê Sỹ H1 và cụ Nguyễn Thị G là quyền sử dụng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 7, diện tích 662m² đất ở đô thị (diện tích thực tế theo hiện trạng là 655,4m²), tại khối A, thị trấn H (nay là khối E, xã H), tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An quyết định, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 769523 ngày 23/7/2012 mang tên ông Lê Sỹ H1, bà Nguyễn Thị G. Trích, chia cụ thể như sau:

1.1. Trích, chia cho vợ chồng ông Lê Văn D và bà Đặng Thị T được quyền sử dụng 397,4m² đất ở đô thị, trị giá 9.935.000.000 đồng thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích thực tế 655,4m², tại khối E, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường ngõ có độ dài 10,42m + 6,9m + 7,82m + 4,87m; phía Nam giáp phần đất trích, chia cho ông C có độ dài 27,99m; phía Đông giáp thửa đất số 9 và đường ngõ có độ dài 13,79m + 1,57m + 6,31m = 1,91m; phía Tây giáp đường tỉnh lộ 542E rộng 11,97m;

1.2. Trích, chia cho ông Lê Văn C được quyền sử dụng 258m² đất ở đô thị, trị giá 6.450.000.000 đồng thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích thực tế 655,4m², tại khối E, thị trấn H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất trích, chia cho ông D, bà T dài 27,99m; phía Nam

giáp đường ngõ có độ dài 26,9m + 1,3m; phía Đông giáp phần đất trích, chia cho ông D, bà T rộng 8,66m; phía Tây giáp đường tỉnh lộ 542E rộng 9,23m;

(Các phần đất có sơ đồ phác họa kèm theo Bản án phúc thẩm).

Vợ chồng ông Lê Văn D, bà Đặng Thị T và ông Lê Văn C là những người đang quản lý, sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ phải thi hành án giao đất, tài sản cho nhau.

Các bên đương sự, những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về Đất đai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Miễn án phí Dân sự sơ thẩm đối với ông Lê Văn C;

2.2. Buộc ông Lê Văn D và bà Đặng Thị T phải chịu 117.935.000 đồng (một trăm mười bảy triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ và số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Nghệ An) theo biên lai thu số 0003362 ngày 03/5/2024;

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng tại phúc thẩm: Ông Lê Văn C phải chịu 10.000.000 đồng tiền chi phí giám định lại và thẩm định lại tài sản (đã thực hiện xong).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND Khu vực 2 – Nghệ An;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phấn.